

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Án số: 32/2017/HC-PT.

Ngày: 22-11- 2017

*V/v: Khiếu kiện quyết định
cưỡng chế thu hồi đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở

Ông Nguyễn Quang Hiểu

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thắng, kiểm sát viên.

Ngày 22-11-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm đã thụ lý số 08/2017/TLST-HC ngày 28-02-2017 về khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất, do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 14/10/2016 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án hành chính ra xét xử số 87/QĐXXST-HC ngày 09/8/2017 và các thông báo đưa vụ án ra xét xử vào các ngày 11, 22/10 và 16/11/2017, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1956; địa chỉ tổ dân phố Th, phường Đ, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

+ Luật sư Hoàng Văn Quang – Văn phòng luật sư Gia Bảo – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

+ Luật sư Nguyễn Văn Ánh - Văn phòng luật sư Gia Bảo – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – vắng mặt không có lý do;

+ Luật sư Nguyễn Anh Tuấn – Văn phòng luật sư Nguyễn Yên – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – vắng mặt không lý do.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch UBND quận N, Hà Nội.

Ông Nguyễn Văn Hải – Chủ tịch UBND quận N; Ủy quyền cho ông Trần Thanh L, Phó chủ tịch UBND quận N, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 4360 ngày 02/8/2016). Vắng mặt tại phiên Tòa (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Quý H, sinh năm 1952; địa chỉ thôn Tháp, phường Đ, quận N, Hà Nội, (Vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Quý S, sinh năm 1958; địa chỉ số nhà 79, B3, Khu đô thị K, phường K, quận H, Hà Nội, (Vắng mặt).
3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ Tổ dân phố Chợ, phường Đ, quận N, Hà Nội, (vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ thôn Tháp, phường Đ, quận N, Hà Nội, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Bố bà là Nguyễn Quý L, sinh năm 1921, mất năm 1993. Mẹ bà là Nguyễn Thị G, sinh năm 1923, mất năm 2003.

Bố mẹ bà sinh được 06 người con.

- 1/ Ông Nguyễn Quý Tr, sinh năm 1944.
- 2/ Ông Nguyễn Quý H, sinh năm 1952.
- 3/ Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1956.
- 4/ Bà Nguyễn Quý S, sinh năm 1958.

5/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

6/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968.

Ông Nguyễn Quý Tr là con của ông Nguyễn Quý L và bà Nguyễn Thị Ph, bà Ph mất năm 1946. Khoảng năm 1963, ông Tr đi thoát ly học trung cấp nông nghiệp và công tác tại Nông trường Ba Vì, Hà Nội. Ngày 27/6/2000, ông Tr nhập nhờ hộ khẩu về gia đình để chuyển khẩu cho các cháu về ăn học, ngày 03/11/2000, ông Trác lại tách hộ khẩu không chung với hộ khẩu gia đình bà nữa.

Ông Nguyễn Quý H xây dựng gia đình từ năm 1976 và tách khẩu không chung với gia đình từ năm 1977.

Ông Nguyễn Quý S đi học Đại học Dược Hà Nội từ năm 1981, tách khẩu không chung với gia đình từ năm 1981.

Bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình năm 1986, tách khẩu không chung với hộ khẩu gia đình từ năm 1987.

Ngày 15/10/1997, hộ gia đình bà gồm có mẹ đẻ Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Ch và Nguyễn Thị Th được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, do mẹ bà là bà Nguyễn Thị G đại diện chủ hộ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 716m² đất nông nghiệp, gồm 02 thửa: Thửa thứ nhất thuộc tờ bản đồ 17, số thửa 355, diện tích 360m² đất sản xuất; Thửa thứ 2 thuộc tờ bản đồ số 18, số thửa 367, diện tích 356m².

Ngày 13/08/2003, bà Nguyễn Thị G mất. Trên thửa đất, có đặt mộ bà Nguyễn Thị G ở đó.

Từ trước đến nay, gia đình bà vẫn đang canh tác nông nghiệp trên thửa đất này làm nguồn sinh sống chính và luôn đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Cuối năm 2013, bà được biết Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska tiến hành thực hiện dự án xây dựng nhà ở phường Đ, quận N và để thực hiện dự án thì có thể có thu hồi đất để thực hiện dự án.

Bà chưa bao giờ được mời tham dự bất kì cuộc họp nào hay có bất kỳ ai thuộc Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska hoặc UBND phường Đ đến để làm việc về việc thu hồi đất và bồi thường và cũng không nhận được bất kỳ thông báo, quyết định thu hồi đất nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 11/06/2015, bà được UBND phường Đ giao Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N “Về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại phường Đ, quận N”.

Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Việc ban hành Quyết định trên của Chủ tịch UBND quận N là trái pháp luật, với lý do: Dự án “Xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại phường Đ, quận N” do Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska làm chủ đầu tư là dự án kinh doanh thương mại nên diện tích đất nông nghiệp nêu trên của gia đình bà không thuộc trường hợp Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất, mà chủ đầu tư dự án phải thỏa thuận với người sử dụng đất về việc nhượng lại quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Trong trường hợp dự án thuộc một trong các dự án được quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật đất đai năm 2013 thì Nhà nước ban hành Quyết định thu hồi đất. Nhưng cho đến nay gia đình bà vẫn chưa nhận được bất cứ một Quyết định nào của người có thẩm quyền về việc thu hồi đất nông nghiệp của gia đình bà, gia đình bà không nhận được Quyết định thu hồi đất nên đã không thực hiện, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N cho rằng gia đình bà không thực hiện Quyết định thu hồi đất nên đã ban hành Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N “Về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại phường Đ, quận N” và ngày

03/7/2015 Chủ tịch UBND quận N đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là trái với các quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản liên quan

Không đồng ý với Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N, bà đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 02/07/2015, bà nhận được Quyết định số: 2486/QĐ-UBND, ngày 01/07/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch với nội dung:*Giữ nguyên Quyết định 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng khu chức năng đô thị Đ.*

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 20/7/2015, bà làm đơn khởi kiện vụ án hành chính và ngày 25/01/2016 bà có đơn khởi kiện bổ sung, nội dung đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận N giải quyết:

1/Hủy quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N “về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ tại phường Đ, quận N”

2/ Hủy Quyết định 2486/QĐ-UBND ngày 01/07/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch.

3/ Chấm dứt hành vi cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, TP. Hà Nội.

4/Yêu cầu UBND quận N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N cung cấp các Quyết định, các Biên bản làm việc, thông báo liên quan đến vụ việc để phục vụ việc giải quyết vụ án, vì các văn bản này chưa được UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N ban hành và giao cho gia đình bà theo quy định của pháp luật mà gia đình bà chỉ nhận được Quyết định số 2070/QĐ-UBND, ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N và Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 01/07/2015.

Đại diện của người bị kiện trình bày:

Căn cứ Công văn số: 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận địa điểm cho Công ty cổ phần đầu tư AMDI (nay là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Alaska) nghiên cứu lập và thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ tại xã Đ, huyện T và Công văn số: 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1 tại xã Đ, huyện T. Ngày 07/11/2011, UBND huyện T đã có Thông báo số: 591/TB-UBND về việc thu hồi đất tại xã Đ, huyện T để thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ.

UBND quận N, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy trình, trình tự thu hồi đất giải phóng mặt bằng và bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong tổng số diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ có 356 m² do hộ gia đình bà Nguyễn Thị G (bà Nguyễn Thị G đã chết) đại diện là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý S, bà Nguyễn Thị T sử dụng tại thửa đất số 367 tờ bản đồ số 18 tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 1992 do Công ty địa chính Hà Nội lập. Diện tích đất thu hồi nằm trong hạn mức giao đất của hộ theo Nghị định 64/CP tại địa phương và đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Ngày 29/12/2014, UBND quận N đã ban hành Quyết định số: 4387/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị G (bà Nguyễn Thị G đã chết) đại diện là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý S, bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 461.614.600 đồng.

UBND quận N đề nghị tòa án Nhân dân quận N giữ nguyên Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND quận N, Quyết định số: 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại, Thông

báo số: 534/TB-UBND ngày 29/6/2015 của UBND quận N về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế với lý do sau:

Dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1 thuộc nhóm dự án Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Văn bản số: 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 07/11/2011, UBND huyện Từ Liêm có Thông báo số: 591/TB-UBND về việc thu hồi đất tại xã Đại Mỗ để thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ. Chủ đầu tư thực hiện dự án là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Alaska (tên cũ là Công ty Cổ phần đầu tư AMDI) được chấp thuận tại Văn bản số: 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án đã triển khai theo trình tự thủ tục thu hồi đất, lập hồ sơ điều tra kiểm đếm hiện trạng trên đất, tài sản trên đất trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án tại thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành; thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thi hành. Do vậy dự án thực hiện chuyên tiếp, trình tự thực hiện thu hồi đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013. Dự án được thực hiện theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2015, đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số: 442/QĐ-UBND ngày 29/01/2015.

Ngày 29/12/2014, UBND quận N đã ban hành Quyết định số: 4387/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị G (bà Nguyễn Thị G đã chết) đại diện là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý S, bà Nguyễn Thị T là đúng theo quy định của Nhà nước.

Chủ đầu tư đã phối hợp với UBND phường Đ, MTTQ phường Đ đã nhiều lần tổ chức vận động hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng nhưng hộ gia đình không chấp hành nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Căn cứ Khoản 2, Điều 71,

Luật Đất đai năm 2013, ngày 08/6/2015 UBND quận N đã ban hành Quyết định số: 2070/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị G (bà Nguyễn Thị G đã chết) đại diện là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý S, bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của Pháp luật.

Ngày 17/6/2015, UBND quận N nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch đối với Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án. Thực hiện trình tự giải quyết đơn khiếu nại, UBND quận N đã giao Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận tiếp nhận và tham mưu UBND quận giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận có Báo cáo số: 259/BC-BTGMB ngày 29/6/2015 về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch. Ngày 29/6/2015, UBND quận N đã tổ chức buổi đối thoại giải quyết đơn khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị Ch. Tại buổi đối thoại các thành viên tham gia đồng ý với báo cáo xác minh và đề xuất của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận. UBND quận N đã ban hành Quyết định số: 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch giữ nguyên Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị G (bà Nguyễn Thị G đã chết) đại diện là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý S, bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết đơn khiếu nại của UBND quận N đã thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật.

Thực hiện theo quy trình cưỡng chế thu hồi đất, ngày 29/6/2015 UBND quận N đã có Thông báo số: 534/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 03/7/2015, UBND quận N đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và hoàn thành bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư.

Ngày 28/10/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số: 5732/QĐ-UBND về việc giao 47.201 m² đất tại phường Đ, quận N cho Công ty cổ phần đầu

tư địa ốc Alaska để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1 theo quy định.

Từ các lý do nêu trên, việc bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện đề nghị được hủy bỏ Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số: 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 về việc giải quyết khiếu nại; Thông báo số: 534/TB-UBND ngày 29/6/2015 của UBND quận N về việc tổ chức cưỡng chế để thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ, phường Đ, quận N là không có cơ sở, đề nghị Tòa án Nhân dân quận xem xét, quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị T trình bày: Mẹ các bà là cụ Nguyễn Thị G, chủ sử dụng diện tích đất nông nghiệp tại xã Đại Mỗ, quận N, thành phố Hà Nội. Ngày 15/10/1997, UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 494337, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0282.QSĐĐ. Ngày 13/08/2003, mẹ các bà là cụ Nguyễn Thị G mất. Trên thửa đất bị thu hồi có đặt mộ mẹ các bà. Từ trước đến nay, gia đình vẫn đang canh tác nông nghiệp trên thửa đất này làm nguồn sinh sống chính và luôn đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Cuối năm 2013, gia đình được biết Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska tiến hành thực hiện dự án xây dựng nhà ở phường Đ, quận N và để thực hiện dự án thì có thể có thu hồi đất để thực hiện dự án.

Gia đình hoàn toàn không rõ thửa đất nêu trên của hộ gia đình các bà có phần diện tích đất nào thuộc diện bị thu hồi để thực hiện dự án không?. Vì gia đình không nhận được bất kỳ một Quyết định thu hồi đất nào của Chủ tịch hoặc Ủy ban cấp có thẩm quyền hoặc sự thỏa thuận của chủ đầu tư đối với diện tích đất nông nghiệp gia đình tôi đang quản lý và sử dụng.

Gia đình chưa bao giờ được mời tham dự bất kì cuộc họp nào hay có bất kỳ ai thuộc Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska hoặc UBND phường Đ đến để làm việc về việc thu hồi đất và bồi thường.

Ngày 11/06/2015, gia đình nghe nói có Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích đất trên, các bà đã đến UBND phường Đ để làm rõ thì được UBND phường Đ giao Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N “Về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại phường Đ, quận N”.

Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Việc ban hành Quyết định trên của Chủ tịch UBND quận N là trái pháp luật.

Khi nhận được Quyết định số: 2070/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Chủ tịch UBND quận N bà Nguyễn Thị Ch đã làm đơn khiếu nại Quyết định nêu trên.

Ngày 02/07/2015, bà Ch nhận được Quyết định số: 2486/QĐ-UBND, ngày 01/07/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch.

Bà Ch đã khởi kiện vụ án hành chính. Các bà cũng đồng ý với quan điểm của bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu Tòa án nhân dân quận N giải quyết những vấn đề nêu trên đối với người bị kiện.

Vì lý do bận công việc nên các bà xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án như tổ chức đối thoại, nếu phải xét xử tôi xin vắng mặt tại phiên tòa. Mọi văn bản tố tụng của tòa án đề nghị giao ngay cho chị Nguyễn Thị Ch nhận thay, các bà không có ý kiến gì.

Ông Ông Nguyễn Quý S trình bày là không liên quan gì đến việc kiện cũng như không có yêu cầu. Đề nghị Tòa án không triệu tập.

Ông Nguyễn Quý H không khai báo gì và cũng không nộp bất cứ tài liệu nào.

Ngoài ra người khởi kiện, người liên quan không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 14/10/2016 của Tòa án nhân dân quận N đã áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 3 Điều 135; khoản 1 Điều 158; Điều 193; Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 104 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính; Điều 69; khoản 3 Điều 71 và khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013. Các Điều 14, 18, 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đề nghị hủy Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Bác các yêu cầu khác của người khởi kiện.

2. Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03613 ngày 25/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Ngày 17/10/2016, bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, hủy bỏ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ; thu hồi hủy bỏ Thông báo số 534/TB-UBND của Ủy ban nhân dân quận N về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 29/6/2015 ; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bỏ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân quận N ; thu hồi hủy bỏ Thông báo số 534/TB-UBND của Ủy ban nhân dân quận N về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 29/6/2015 ; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch trình bày bản luận cứ cũng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính như yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Ch, với các lý do sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định cưỡng chế khi chưa ban hành Quyết định thu hồi đất là vi phạm khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt bồi thường đối với bà Nguyễn Thị Ch ban hành sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực vì vậy cần phải áp dụng quy định của Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết. Căn cứ Điều 61,62,64,65 Luật Đất đai 2013 thì dự án Khu đô thị Đ không thuộc trường hợp Nhà nước tiến hành thu hồi đất vì đây là dự án thương mại. Vì vậy, UBND quận N không có quyền thu hồi đất trong trường hợp này. Vi phạm nghiêm trọng về thủ tục thu hồi đất: vì theo Điều 67 Luật Đất đai 2013 thì trước khi có Quyết định thu hồi đất phải có thông báo thu hồi đất; bà Chinh chưa bao giờ nhận được thông báo thu hồi đất nào cả; quyết định cưỡng chế xác định sai đối tượng thu hồi đất.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội trình bày:

+ Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng hành chính, đảm bảo đúng thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý vụ án để xem xét đơn kháng cáo người khởi kiện theo thủ tục phúc thẩm là đúng.

- Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và yêu kháng cáo của người kiện thấy: Việc bà Ch đưa ra lý do yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất 2070 và các yêu cầu khác là: Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ - Giai đoạn 1 tại phường Đ là dự án kinh doanh thương mại, không thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo qui định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 ; việc cưỡng chế thu hồi đất không đúng qui định của pháp luật. Xét thấy : Căn cứ Công văn số 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận địa điểm cho Công ty cổ phần đầu tư AMDI (nay là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Alaska; Công văn số 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1 tại xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm; Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm về việc phê duyệt qui hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Đ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm thì Dự án Khu chức năng đô thị Đ thuộc nhóm dự án do Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo qui định tại Điều 39 Luật đất đai năm 2003 và Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Tuy trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất có sai sót như sau khi có thông báo thu hồi đất số 591 ngày 07/11/2011 của UBND huyện Từ Liêm về việc sẽ thu hồi đất tại xã Đại Mỗ để thực hiện dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ, trong đó nêu rõ vị trí đất thu hồi; theo qui định của pháp luật, thông báo trên phải gửi đến từng hộ dân có đất bị thu hồi. Theo bà Ch khai bà chưa nhận được thông báo trên và trong hồ sơ không thể hiện thông báo thu hồi đất nêu trên đã được giao cho bà Ch. Tuy nhiên, thiếu sót trên chỉ sai về thủ tục không làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình hộ bà Ch khi nhà nước thu hồi đất. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Ch và giữ nguyên các quyết định bị khiếu

kiện là đúng pháp luật; không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo đúng qui định của pháp luật nên cần chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng khác đều vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính quyết định xử vắng mặt họ. Tại cấp phúc thẩm, ngoài yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bà Ch và những người tham gia tố tụng khác không còn yêu cầu gì khác nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

Ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử vụ án trên. Tại phiên tòa, bà Ch và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chinh trình bày: Bà Ch đang khiếu nại Quyết định thu hồi đất số 4369/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 4387/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận N lên Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Do hai quyết định nêu trên có liên quan trực tiếp đến đối tượng khởi kiện (Quyết định cưỡng chế thu hồi đất) cần phải xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử đã căn cứ Điều 238 Luật tố tụng hành chính đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ. Kết quả xác minh cho thấy không có việc bà Ch khiếu nại hai quyết định nêu trên lên Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và phiên tòa mở lại ngày 20/10/2017 nhưng phải hoãn phiên tòa do bà Ch vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bà Ch và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Ch xác nhận không có việc khiếu nại 02 quyết định nêu trên và khẳng định chỉ khởi kiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N và một số yêu cầu khác theo đơn khởi kiện.

[2]. **Về Nội dung:** Căn cứ vào nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu hủy bỏ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ; thu hồi hủy bỏ Thông báo số 534/TB-UBND của Ủy ban nhân dân quận N về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 29/6/2015 ; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ch với các lý do : Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ - Giai đoạn 1 tại phường Đ là dự án kinh doanh thương mại, không thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo qui định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai năm 2013; gia đình nhà bà không biết diện tích đất nào thuộc dự án trên phải thu hồi để bàn giao vì gia đình không nhận được bất kỳ một quyết định thu hồi đất nào. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch thì thấy:

Căn cứ Công văn số 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận địa điểm cho Công ty cổ phần đầu tư AMDI (nay là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Alaska) nghiên cứu lập và thực hiện dự án: Xây dựng khu chức năng đô thị Đ tại xã Đ, huyện T; Công văn số: 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1 tại xã Đ, huyện T; Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt qui hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Đ, xã Đ, huyện T thì Dự án Khu chức năng đô thị Đ thuộc nhóm dự án do Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo qui định tại Điều 39 Luật đất đai năm 2003 và Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Quá trình thực hiện dự án, ngày 7/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện T đã có Thông báo số 591/TB-UBND về việc sẽ thu hồi đất tại xã Đ để thực hiện xây dựng Khu chức năng đô thị Đ trong đó nêu rõ vị trí đất thu hồi. Thông báo trên đã được niêm yết công khai và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương là

thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất theo luật đất đai năm 2003. Việc bà Ch nại ra không được biết có thông báo nêu trên là không có cơ sở.

Năm 2014, thực hiện chia tách địa giới hành chính. Dự án “Xây dựng khu chức năng đô thị Đ” thuộc phường Đ, quận N, Hà Nội.

Trong tổng số diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án có 356m² đất do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch sử dụng thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 18 tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 1992 do Công ty địa chính Hà Nội lập. Diện tích đất thu hồi nêu trên là đất nông nghiệp được Nhà nước giao theo Nghị Định 64/CP của chính phủ; diện tích đất trên được giao cho hai nhân khẩu trong đó có cụ Nguyễn Thị G (hồ sơ giao đất chỉ thể hiện cụ G là chủ hộ, giao cho 2 nhân khẩu, trong đó còn một nhân khẩu không thể hiện cụ thể giao cho ai) và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 do cụ Nguyễn Thị G đứng tên chủ hộ. Do cụ G mất, các thành viên trong hộ gia đình cụ G không thỏa thuận cử người đại diện kê khai nhận tiền bồi thường và không hợp tác nên trong các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đều đưa các con cụ G đại diện trong đó có tên bà Nguyễn Thị Ch là đã đảm bảo quyền lợi cho Bà Ch và các thành viên trong hộ gia đình cụ G; việc luật sư cho rằng quyết định thu hồi đất không đúng đối tượng đề nghị hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không cần thiết.

Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch, UBND phường Đ đã phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 29/12/2014, UBND quận N đã ban hành quyết định 4369/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch. Cùng ngày đã ban hành Quyết định số 4387/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch. Các quyết định trên đều được niêm yết

công khai và lập biên bản giao cho bà Ch ngày 31/12/2014 nhưng bà không hợp tác, không nhận văn bản; việc luật sư cho rằng bà Ch không được nhận các quyết định trên là không có cơ sở. Ngày 05/01/2015, Hội đồng giải phóng mặt bằng quận tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Ch. Do hộ gia đình bà Ch không nhận tiền và không tiến hành bàn giao đất nên ngày 20/4/2015, UBND phường Đ, Mặt trận Tổ quốc phường kết hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đã tổ chức vận động, thuyết phục người có đất thực hiện nhưng hộ gia đình bà Ch không hợp tác, không mở cửa, không nhận thông báo về việc vận động. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản về việc cô tình không nhận tiền bồi thường, không bàn giao đất.

Do Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch không thực hiện quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND quận N về việc thu hồi đất nên ngày 08/6/2015, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành quyết định số 2070/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch. Căn cứ Điều 69 Luật đất đai năm 2013 thì việc Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 là đúng pháp luật.

Không đồng ý với quyết định trên nên ngày 17/6/2015, bà Nguyễn Thị Ch đã có đơn khiếu nại đề nghị hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch UBND quận N.

Sau khi thụ lý đơn khiếu nại nêu trên của bà Chinh, ngày 29/6/2015, Ủy ban nhân dân quận N đã tổ chức việc đối thoại giải quyết đơn khiếu nại của bà Ch và ngày 01/7/2015, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ch đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất với nội dung giữ nguyên quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng với quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết đơn khiếu nại nêu trên, bà Ch đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân quận N ; Tòa án nhân dân quận N đã xét xử bác đơn khởi kiện của bà Ch là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, cần bác kháng cáo của bà Ch, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí : Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo, khởi kiện của bà Ch nên bà Ch phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo qui định tại Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do tại thời điểm bà Ch nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, pháp luật qui định tiền án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 đồng nên chỉ buộc bà Ch nộp 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 ; Điều 242 ; Điều 349 Luật tổ tụng hành chính ; các Điều 14, 18, 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Điều 69; Khoản 3 điều 71 và khoản 6 điều 210 Luật đất đai năm 2013. Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đề nghị hủy Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất và quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Bác các yêu cầu khác của người khởi kiện.

2. Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0006640 ngày 24/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận N.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/11/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa